

UBND XÃ NÀ HỖ
TRƯỜNG PTĐTBTH NÀ HỖ

BẢNG TỔNG HỢP MUA HÀNG TRONG THÁNG (HS BÁN TRÚ)
THANG 09 NAM 2025

Tổng số tiền ăn trong tháng = (TS HS bán trú 396 x 936.000 đồng/HS) = 370.656.000 đồng

STT	Tên mặt hàng	Đơn vị tính	Các ngày trong tháng																															Tổng số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31			
1	Thịt lợn mông	Kg															54		54	54				68		62	60,1				63,5	415,6	135.000	56.106.000		
2	Thịt lợn xay	Kg															25,6		25,6					25		28					28	132,2	135.000	17.847.000		
3	Thịt gà công nghiệp	Kg														84,2	84,2	79,6	84,2	79,6			84	84	68	90,2	75,3		84,1	95	64	1056,4	90.000	95.076.000		
4	Cà rô phi	Kg															89,4		89,4					88		90				80,6		437,4	85.000	37.179.000		
5	Đậu phụ	Kg																		36,2												36,2	20.000	724.000		
6	Trứng vịt	Quả															498		498		498			496		496		496		496		3478,0	4.000	13.912.000		
7	Cà chua	Kg															19,9		19,9					18		25				18		100,8	20.000	2.016.000		
8	Rau cải	Kg															36	59,9						60,8	64,2					52		272,9	14.000	3.820.600		
9	Bắp cải	Kg														51,9	59,9		36			45,3	57,6			51,8		63,4	59,9		425,8	14.000	5.961.200			
10	Bí đỏ (Bí xanh)	Kg															59,9		59,9	36			56		64,2	51,8			59,9		387,7	14.000	5.427.800			
11	Su su	Kg															36			44				60,8			52,8			52		245,6	14.000	3.438.400		
12	Bột ngọt Vedan	Kg																																3	70.000	210.000
13	Muối hạt Iot	Kg																																35	5.000	175.000
14	Gói kho tàu	Gói																																31	7.000	217.000
15	Nước rửa bát Power 100	Lít																																4	40.000	160.000
Cộng tiền mua thực phẩm																																	242.270.000			
	Cộng tổng																																	242.270.000		

NGƯỜI TỔNG HỢP

Chữ
Vu A Lân

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Mai Xuân Kiên